

	TỔNG CÔNG TY LILAMA VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN LILAMA CORPORATION ERECTION ELECTROMECHANICS TESTING JOINT STOCK COMPANY. 434-436 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI - TRUNG VĂN - NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI TEL : 04.35543839 FAX : 04. 35543790 WEBSITE : WWW.EMETC.COM.VN	
---	--	---

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty niêm yết: Công ty CP Lắp Máy – Thí Nghiệm Cơ Điện
Năm báo cáo: 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106458
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 434-436 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.35543839
- Số Fax: 04.35543790
- Website: www.emetc.com.vn
- Mã cổ phiếu: LCD

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Lắp máy - Thí Nghiệm Cơ Điện với tiền thân là Trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy (sau gọi tắt là Trung tâm) thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam, công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, Để có được vị trí như ngày hôm nay không phải là điều dễ dàng, đó là kết quả của những nỗ lực không mệt mỏi, của trí tuệ, tinh thần sáng tạo, học hỏi kết hợp với kinh nghiệm và nhiệt huyết của bao thế hệ cán bộ công nhân viên công ty.

Chặng đường hình thành và phát triển của công ty được đánh dấu bằng những mốc thời gian quan trọng: năm 1980 (thành lập trung tâm), năm 1993 (đổi tên thành Xí nghiệp Lắp máy và thí nghiệm cơ điện), năm 1996 (đổi tên thành công ty Lắp máy và thí nghiệm cơ điện), ngày 08 tháng 01 năm 2004 Bộ Xây Dựng có quyết định số 54 /QĐ-BXD cổ phần hoá Công ty Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam thành Công ty Cổ Phần lắp máy và thí nghiệm cơ điện với số

vốn điều lệ là: 5.600.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 2.903.600.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 2.696.400.000 đồng (Chiếm 48,15%). Công ty cổ phần Lắp máy và Thí Nghiệm Cơ điện đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 15 tháng 01 năm 2007 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất do thay đổi giám đốc và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Ngày 04 tháng 07 năm 2007 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2, đổi tên thành Công ty Thành Công ty Cổ Phần LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện và tăng vốn điều lệ lên 13.500.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 6.999.750.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 6.500.250.000 đồng (Chiếm 48,15%). Ngày 13/03/2008 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 3, Công ty chuyển trụ sở chính từ 124 Minh Khai- Hai Bà Trưng -Hà Nội về số 434-436 đường Nguyễn Trãi- Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Mỗi mốc thời gian đó đều đánh dấu một bước trưởng thành mới của công ty và là sự khởi đầu cho bước phát triển tiếp theo.

Ngày 08/10/2010 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 737/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện. Ngày 15/11/2010 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện (Mã chứng khoán: LCD) chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 31/08/2011 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 4, Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Kinh doanh bất động sản, tư vấn bất động sản, hoạt động tư vấn quản lý, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Ngày 13/04/2012 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 5. Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Sản xuất các phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.....

Ngày 04/01/2013 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 6, Công ty bổ sung vốn điều lệ từ 13.500.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng

Ngày 06/06/2014 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 7, Công ty thay đổi tên công ty từ Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện sang Công ty CP lắp máy – Thí nghiệm cơ điện.

Ngày 24/09/2014 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 8, Công ty thay đổi số chứng minh thư nhân dân của Tổng giám đốc

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh của công ty:

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của công ty mà pháp luật cho phép. Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

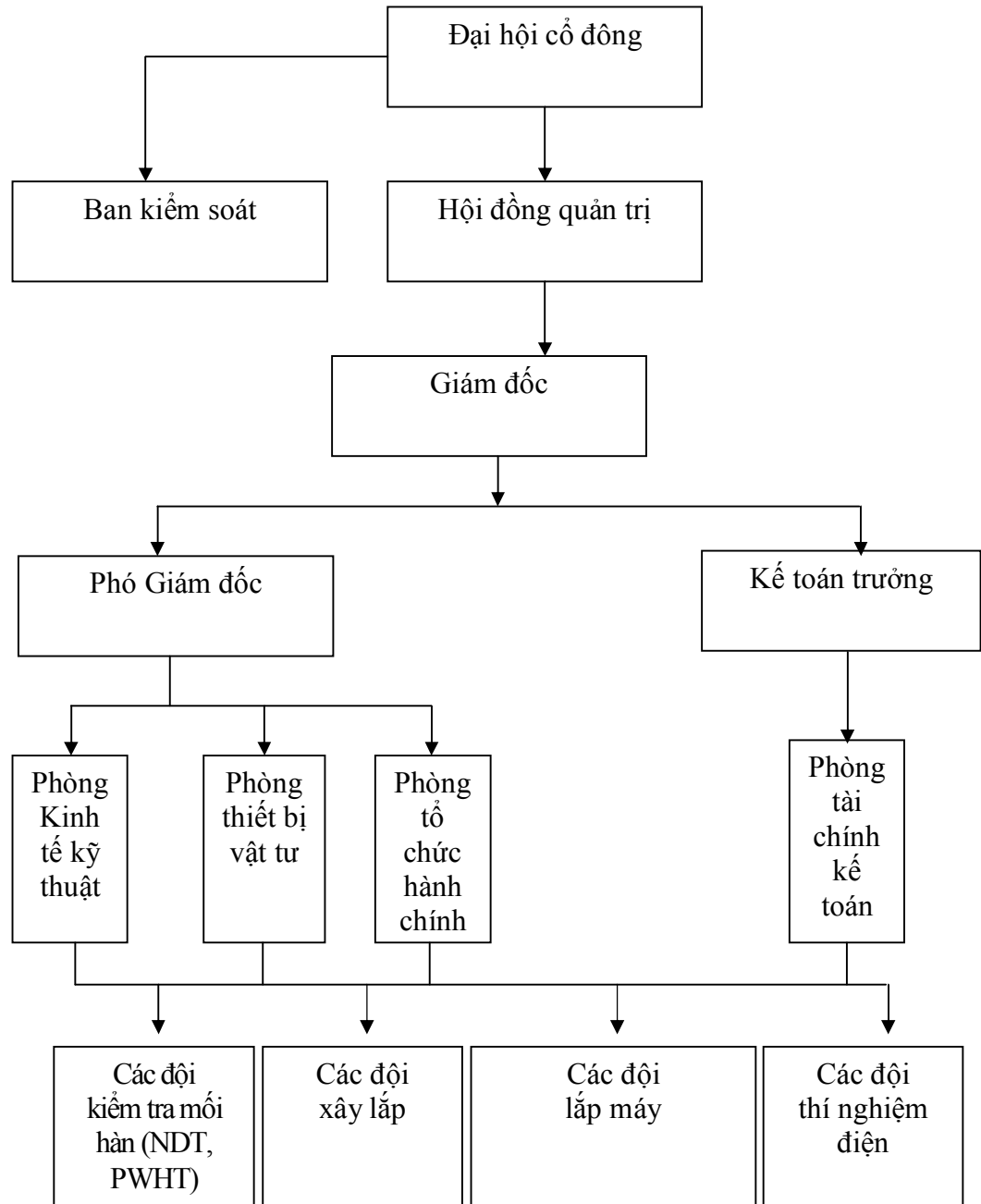
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Sản xuất phụ tùng cầu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Lắp đặt điện, nước, thiết thông gió, điều hoà không khí;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây truyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Kiểm tra không phá huỷ (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử mẫu và kiểm tra chân không;
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại.
- Kinh doanh bất động sản.
- Tư vấn bất động sản.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Với chức năng, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn kinh doanh của công ty trải khắp các vùng miền trong cả nước, tham gia thi công xây lắp tất cả các công trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng... Trong thời gian tới, công ty dự định mở rộng địa bàn hoạt động ra nước ngoài.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành - đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban và đội trưởng các công trình



5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Xây dựng Công ty đáp ứng mục tiêu phát triển theo định hướng của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), trong đó có định hướng Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị xây lắp chuyên ngành mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công trình lớn ở trong và ngoài nước. Đồng thời đáp ứng mục tiêu đạt lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và sự phát triển ổn định, bền vững cho Công ty.

Năm 2014 Công ty tập trung vào 2 mục tiêu lớn là:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, tiếp tục phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, xác định sơ đồ tổ chức giai đoạn 2014 – 2015 của toàn Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo 2014, nội dung đào tạo theo các hình thức khác nhau đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho quản lý, sản xuất và kinh doanh, phù hợp với điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tiếp tục thực hiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.
- Xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Đối với các hoạt động SXKD:

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch SXKD. Tiếp tục nâng cao năng lực và làm tốt công tác thị trường – Marketing cho cả 2 lĩnh vực xây lắp và kiểm tra không phá hủy cả trong nước và ngoài nước.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, và đề ra các kế hoạch đầu tư cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

a. Sản xuất kinh doanh:

- Hoàn thành về sắp xếp và chuyển đổi mô hình quản lý, chuyển đổi căn bản về năng lực quản lý của Công ty
- Tăng trưởng cao mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư chiều sâu để tiếp tục phát huy những thế mạnh về các công việc sở trường truyền thống của Công ty trong những năm qua đó là công tác thí nghiệm điện và công tác kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT.
- Tăng cường đầu tư, hợp tác đầu tư, tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề và phạm vi kinh doanh, dịch chuyển cơ cấu kinh doanh, nghiên cứu và mạnh dạn phát triển thêm một số công việc khác: sản xuất các tủ bảng điện, máng cáp, chế tạo và lắp đặt các thiết bị, kết cấu thép...

b. Tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp

c. Công tác đời sống của CBCNV:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phấn đấu mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 4.500.000 đồng đến 6.000.000 đồng/người/tháng.
- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.
- Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

6. Các rủi ro:

Trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty có nguy cơ gặp các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh toán

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các

rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của công ty.

6.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro về tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về tỷ giá. Công ty gần như không bị ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do giá trị tài sản của công ty có gốc ngoại tệ là rất thấp

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về lãi suất. Rủi ro này của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi.

c. Rủi ro giá

Rủi ro về giá chủ yếu mà công ty phải đối mặt là biến động giá của nguyên, nhiên vật liệu đầu vào giữa thời điểm ký hợp đồng và thời điểm thi công

6.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác / chủ đầu tư của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của công ty.

6.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

Trong những năm gần đây, với chức năng và nhiệm vụ của mình, công ty đã thực hiện và hoàn thành nhiều công trình lớn, quan trọng như : nhà máy nhiệt điện Uông Bí, nhà máy lọc dầu

Dung Quất, nhà máy thủy điện Sơn La, nhà máy xi măng Bỉm Sơn, nhà máy xi măng Sông Thao, nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn, nhà máy nhiệt điện Mông Dương, khu công nghiệp Formosa Hà Tĩnh,...Đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có khả năng kế thừa và phát triển để đảm nhận quản lý và thực hiện những dự án có quy mô lớn.

Mặc dù năm 2014 nền kinh tế có nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tình hình tài chính được kiểm soát tốt, hoạt động kinh doanh đạt lợi nhuận cao. Năng lực và uy tín của Công ty đối với các chủ đầu tư, đối tác, khách hàng đã được khẳng định và nâng lên một tầm cao mới.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014 (Đồng)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	77.819.097.351
2	Tổng doanh thu	51.835.543.046
3	Lợi nhuận trước thuế	2.081.843.836
4	Nộp ngân sách	3.633.315.684
5	Thu nhập bình quân	4.990.078
6	Đầu tư	1.787.899.200
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	8,5%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014 (Đồng)	Thực hiện năm 2014 (Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	90.000.000.000	77.819.097.351	86,5%
2	Tổng doanh thu	60.000.000.000	51.835.543.046	86,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.000.000.000	2.081.843.836	69,4%
4	Nộp ngân sách	3.780.000.000	3.633.315.684	96,1%
5	Thu nhập bình quân	5.000.000	4.990.078	99,8%
6	Đầu tư	2.500.000.000	1.787.899.200	71,5%
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	8,5%	8,5%	100%

- Thuận lợi

- Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của lãnh đạo Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, các cơ quan chính quyền địa phương TP Hà Nội và các địa phương nơi công ty thi công.
- Sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.
- Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng kinh tế.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Quê quán	Số CP sở hữu
1	Hoàng Văn Lít	09/01/1970	Kỹ sư điện	TGĐ	Cô Loa – Đông Anh – Hà Nội	45.555
2	Nguyễn Thành Đại	21/06/1979	Kỹ sư điện	PTGD	Thị xã Hà Đông – Hà Nội	17.403
3	Nguyễn Sỹ Thành	21/12/1976	Kỹ sư điện	PTGD	Tuy Hòa - Hải Dương	15.586

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2014 công ty CP lắp máy – TNCĐ không có sự thay đổi trong ban điều hành

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên, chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động đến 31/12/2014 là 345 người; Trong đó

- Hợp đồng dài hạn là: 190 người
- Hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là: 155 người

- Chính sách đối với người lao động:

- Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.
- Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao

tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

- Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
- Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Công ty không có các khoản đầu tư lớn

4. Tình hình tài chính

Trên cơ sở nhận định khách quan, sát thực về cơ hội và thách thức, bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014, Công ty đã đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, phù hợp; lãnh đạo và điều hành linh hoạt theo diễn biến của nền kinh tế, đặc biệt nắm bắt, khai thác các cơ hội một cách hiệu quả. Trong những thời điểm khó khăn nhất về vốn của thị trường Việt Nam, Công ty vẫn kiểm soát được tài chính, đảm bảo được vốn cho hoạt động. Thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, cho các nhà cung cấp vật tư, nhà thầu phụ, các đơn vị thi công của Công ty đúng tiến độ và kế hoạch. Một số chỉ tiêu đánh giá tài chính trong năm như sau:

a. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	% tăng, giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			
Tổng giá trị tài sản	54.824.590.337	55.989.278.413	102%
Doanh thu thuần	70.327.893.267	51.835.543.046	74%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.459.782.137	2.148.523.078	62%
Lợi nhuận khác	56.667.113	(66.679.242)	(117)%
Lợi nhuận trước thuế	3.516.449.250	2.081.843.836	59%
Lợi nhuận sau thuế	2.554.652.403	1.608.062.382	63%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	8.5%	85%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: $\frac{\text{TSLĐ/Nợ ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$ + Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ-Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,2 0,99	1,17 0,96	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,58 1,40	0,59 1,41	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$ + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,99 1,28	6,80 0,93	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,04 0,11 0,05 0,05	0,03 0,07 0,03 0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần công ty hiện có là 1.500.000 trong đó có 55 cổ phiếu quỹ và 26.000 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

5.2 Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông cá nhân

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Trần Văn Hưng	96.677	6,45
2	Vũ Thị Thúy Giang	110.935	7,4
3	Lê Thị Hà	78.761	5,25
4	Hoàng Văn Lít	45.555	3,04
5	Các cá nhân khác	607.168	40,5

- Cổ đông tổ chức/nhà nước

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số Đăng ký kinh doanh	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	124 Minh Khai, Hà Nội	0100106313	542.750	36,18
2	Công ty TNHH Trọng Hiền	Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, VN	0304533426	18.000	1,2
3	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	101 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	23/GCNTVLK	11	0,0007
4	Công ty TNHH CK NHTMCP VN Thịnh Vượng	362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	30/GCNTVLK	77	0,005
5	Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	434-436 Nguyễn Trãi – Trung Văn – Nam Từ Liêm – HN	0100106458	55	0,004

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2014 công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

- Chứng khoán khác:

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014(Đồng)	Thực hiện năm 2014(Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với 2013
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	90.000.000.000	77.819.097.351	86,5%	69,1
2	Tổng doanh thu	60.000.000.000	51.835.543.046	86,4%	73,7
3	Lợi nhuận trước thuế	3.000.000.000	2.081.843.836	69,4%	59,2
4	Nộp ngân sách	3.780.000.000	3.633.315.684	96,1%	91,7
5	Thu nhập bình quân	5.000.000	4.990.078	99,8%	101,4
6	Đầu tư	2.500.000.000	1.787.899.200	71,5%	248,0
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	8,5%	8,5%	100%	85,0

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

a. Về công tác tổ chức và quản lý:

- Năm 2014 nhân sự bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty tiếp tục được bổ sung và kiện toàn, năng lực quản lý tiếp tục nâng cao đáp ứng yêu cầu quản lý tốt các hoạt động của Công ty.
- Nguồn nhân lực được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng, công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nhân lực được thực hiện theo quy trình phù hợp có tính kế hoạch cụ thể và đạt được kết quả tích cực..
- Sửa đổi, xây dựng mới và ban hành một số quy chế, điều lệ, quy định quản lý nội bộ đã góp phần tích cực, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Công ty.
- Công tác đào tạo nhân lực được quan tâm đầu tư kinh phí, lập kế hoạch và thực hiện tốt một số khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo và CB CNV. Các phòng, ban và đơn vị đã quan tâm thực hiện công tác đào tạo tại chỗ theo định hướng của Công ty.
- Công tác thi đua khen thưởng tiếp tục được chú trọng và thực hiện ngày một tốt hơn.

b. Đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện chính sách đối với CB CNV

- Mặc dù trong điều kiện hết sức khó khăn của nền kinh tế, việc cạnh tranh gay gắt để tìm kiếm việc làm, trong năm 2014 Công ty vẫn đáp ứng đủ việc làm cho hầu hết cán bộ công nhân viên, điều kiện làm việc tiếp tục được quan tâm và cải thiện tích cực.
- Thu nhập và đời sống CB CNV được quan tâm và nâng cao thông qua tiền lương, tiền thưởng, mức thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 4.990.078 đồng/người/tháng,
- Các chính sách, chế độ của người lao động được quan tâm và giải quyết kịp thời, quyền lợi được đảm bảo.

c. Các mặt công tác khác

- Các mặt công tác khác như: Tài chính kế toán, Kỹ thuật công nghệ, Quản lý vật tư thiết bị được triển khai đồng bộ có tính kế hoạch cao và đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục CBCNV có ý thức chấp hành nghiêm túc chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, điều lệ của Công ty. Nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật cho toàn thể nhân viên trong Công ty.
- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công xong, hoàn thiện hồ sơ pháp lý thanh quyết toán để làm cơ sở thu hồi vốn giảm lãi vay ngân hàng.
- Quản lý thanh quyết toán cho các đội công trình đúng theo quy chế đã ban hành, kịp thời đúng chế độ
- Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, kiểm toán kịp thời vào thời điểm kết thúc năm tài chính góp phần duy trì tài chính Công ty lành mạnh và ổn định.
- Lãnh đạo công ty đã quan tâm triệt để đến công tác an toàn lao động, chỉ đạo Ban an toàn lao động công ty thực hiện đầy đủ các quy định về công tác an toàn, tổ chức cho các CBCNV đi công tác các công trình được học tập đầy đủ các bước an toàn trước khi làm việc. Xây dựng mạng lưới an toàn viên từ công ty đến các đội công trình, tổ sản xuất, thường xuyên cử các cán bộ an toàn tham gia các khoá đào tạo về an toàn, đặc biệt là công tác an toàn trong lĩnh vực thí nghiệm điện và kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra về công tác ATLĐ tại các công trình. Tổ chức thực hành các trường hợp khẩn cấp đặc biệt với công tác NDT tại các công trình mà công ty tham gia xây dựng.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	38,11% 61,89%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	58,54% 41,46%
3	Khả năng thanh toán - Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả - TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn - Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1,71 1,17 0,96
4	Tỷ suất lợi nhuận a. Lợi nhuận/doanh thu - LN trước thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác	4,01%

- LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác	3,1%
b. Lợi nhuận/Tổng tài sản	
- LN trước thuế/Tổng tài sản	3,72%
- LN sau thuế/Tổng tài sản	2,87%
c. Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	6,93%

- *Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.*

- Hệ số thanh toán: Tổng tài sản/tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2014 là $1,71 > 1$, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên hệ số thanh toán: tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 3,1%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 6,93%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 2,87%.
- Như vậy các hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy là tương đối tốt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, kiểm tra của hội đồng quản trị, năng lực điều hành của ban giám đốc cũng như đảm bảo sự độc lập tương đối giữa 2 bộ máy này, trong năm 2014 với sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông, công ty tách riêng giữa quản trị công ty và bộ máy điều hành. Chính sự tách biệt này đã giúp cho công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ mọi hoạt động SXKD và đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời. Cũng trong năm 2014, công ty đã rà soát và sửa đổi bổ sung một số quy chế ban hành trong nội bộ công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn như: Quy chế khoán sản phẩm và các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao vật tư; quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi, quy định về quản lý nhân lực...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2014:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, không ngừng kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo năm 2014, nội dung và hình thức đào tạo phong phú đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu

cho công tác quản lý và điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.- Quan tâm chính sách đối với người lao động, xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Trong lĩnh vực SXKD

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, khả năng thu xếp vốn của bên A, xây dựng và điều hành tốt kế hoạch hàng kỳ. Tiếp tục nâng cao năng lực công tác thị trường - Marketing cho lĩnh vực sxkd cả trong nước và nước ngoài, thực hiện tốt các hợp đồng, các dự án có hàm lượng kỹ thuật cao.
- Khai thác hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, xây dựng kế hoạch đầu tư bổ sung cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.
- Nâng cao khả năng phân tích, dự báo để lập kế hoạch và thực hiện thu mua, vật tư, thiết bị do bên A cung cấp.
- Thúc đẩy việc nâng cao năng lực, quy mô SXKD của các đơn vị, các tồn tại, yếu kém trong SXKD cần phải sớm được khắc phục.

4.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch năm 2015:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015 (đồng)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	105.000.000.000
2	Tổng doanh thu	70.000.000.000
3	Lợi nhuận	2.800.000.000
4	Nộp ngân sách	4.742.000.000
5	Thu nhập bình quân	5.000.000

6	Đầu tư máy móc, thiết bị	17.216.787.150
---	--------------------------	----------------

4.3 Các giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu KH năm 2015:

Trên cơ sở đánh giá phân tích, Ban lãnh đạo Công ty nhận định năm 2015 tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty nói riêng sẽ còn tiếp diễn những khó khăn. Để hoàn thành được các nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu kế hoạch năm 2015 đã đặt ra Công ty cần tiến hành đồng thời một số giải pháp nhằm chủ động ứng biến, trong đó giải pháp tổng quát cho mục tiêu phát triển như sau:

- Một là: Cập nhật và nắm bắt kịp thời diễn biến thực tế của nền kinh tế và các chính sách của Nhà nước để có dự báo phù hợp, từ đó có sự điều chỉnh kế hoạch hàng kỳ theo kế hoạch tổng quát năm, chủ động tránh các rủi ro có thể xảy ra.
- Hai là: Hoàn thiện mô hình tổ chức trong Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy tại các đơn vị, tối ưu hóa việc sản xuất, kinh doanh theo hướng tăng năng suất chất lượng, tiết kiệm và kiểm soát tốt chi phí nhằm giảm tối đa chi phí, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.
- Ba là: Phát huy yếu tố con người là trung tâm của mọi hoạt động, là nguồn lực quyết định cho sự thành công và phát triển bền vững của Công ty.

a. Nhóm giải pháp cho công tác tổ chức quản lý:

- Xây dựng chính sách khoa học phù hợp đối với người lao động để phát huy năng lực làm việc của CBCNV cũng như thu hút, bổ sung lao động có chất lượng cao.
- Thực hiện tốt hơn công tác tuyển dụng, đào tạo, đào tạo tại chỗ, bổ nhiệm những người có năng lực vào vị trí nhân sự chủ chốt tại Công ty và các đơn vị đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Triển khai tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua để người lao động có cơ hội phát huy hết những năng lực của mình.

b. Nhóm các giải pháp cho hoạt động SXKD:

- Tập trung thu hồi vốn đối với những công nợ phải thu đã đến hạn.
- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cung cấp vốn cho nhu cầu sản xuất
- Công ty phải chủ động thường xuyên rà soát lại danh mục hợp đồng xây lắp và kiểm tra, thí nghiệm để ưu tiên cho những hợp đồng có thể thu hồi vốn nhanh, chủ động đàm phán với các chủ đầu tư về tiến độ đối với các hợp đồng đang gặp khó khăn về vốn.

- Bổ sung nhân sự và làm tốt công tác nghiên cứu thị trường, phân tích lựa chọn thị trường, lợi thế, mở rộng thị trường, chiến lược sản phẩm cho mỗi lĩnh vực kinh doanh.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị công nghệ đã đầu tư để nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian thi công, tiết kiệm chi phí nhân công, nâng cao hình ảnh của Công ty với các chủ đầu tư tăng sức cạnh tranh.
- Quy định trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân về chất lượng công trình bàn giao cho bên A, đảm bảo quản lý chất lượng tất cả các công trình do Công ty thực hiện.

c. Nhóm các giải pháp về đầu tư và hợp tác đầu tư:

- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cho kế hoạch đầu tư.
- Phân tích, nghiên cứu cơ hội đầu tư, hợp tác đầu tư - Mở rộng đầu tư có chọn lọc trong lĩnh vực đang đầu tư và lĩnh vực mới có đủ điều kiện, phát huy lợi thế và hiệu quả cao.
- Hợp tác đầu tư với đơn vị đối tác trong và ngoài nước có tiềm năng nhằm nâng cao năng lực quản trị, tận dụng phát huy công nghệ, vốn và lợi thế của đối tác.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam, kinh tế khu vực có nhiều biến động phức tạp và khó lường, mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch 2015 của Công ty đề ra là rất lớn, phát huy thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua, với tinh thần Đoàn kết - Năng động và Sáng tạo, tập thể Ban lãnh đạo cùng CB CNV toàn Công ty nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách quyết tâm hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2015 đã đề ra.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2014 là năm có nhiều khó khăn và thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện nói riêng. Với sự chỉ đạo sáng tạo và linh hoạt của ban lãnh đạo Công ty, sự điều hành có tính kế hoạch cao và hiệu quả của hệ thống quản lý, sự đoàn kết thống nhất các mục tiêu và sự tin tưởng, nỗ lực cố gắng của các đơn vị toàn Công ty.

Công tác đảm bảo tài chính, thu xếp vốn đã đáp ứng tốt cho tất cả nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Tuy công tác thu hồi vốn trong năm đã gặp không ít những khó khăn từ phía chủ đầu tư nhưng các khoản thanh toán cho tất cả các đối tượng công nợ đều được kịp thời. Công tác lập kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn, quản lý dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đều được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ đã góp phần nâng cao năng lực công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong tình hình khó khăn đã dự báo và dự đoán được một số tình hình và tập hợp được sức mạnh của phần lớn cán bộ nên công việc của Công ty được giải quyết 1 cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Bước đầu đã giải quyết được một số vấn đề tồn tại. Hoạt động của BGD đúng theo theo sự chỉ đạo, điều lệ công ty. BGD chỉ đạo sxkd đúng theo nghị quyết hội đồng quản trị đưa ra. BGD đã triển khai đầy đủ nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, thực hiện đúng theo chính sách của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh những cố gắng trên còn một số vấn đề cần quan tâm như: Cần kiên quyết hơn trong điều hành với mục tiêu đề ra và phân công, phân cấp kiểm tra công việc đảm bảo cho bộ máy hoạt động hiệu quả hơn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2015 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục phát huy những thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua. Công ty sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi, cơ hội để tiếp tục đầu tư, xây dựng và phát triển, đồng thời Công ty sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của nền kinh tế mang lại, khắc phục khó khăn nội tại của Công ty, vận dụng thời cơ trong hoạt động SXKD và đầu tư để tiếp tục tăng trưởng, tiếp tục thành công.

Năm 2014 Công ty tập trung vào 4 mục tiêu lớn là:

- Tạo đủ công ăn việc làm cho CB CNV, tăng trưởng ổn định, kiểm soát tốt tình hình tài chính, đạt lợi nhuận tối thiểu trên vốn là 25%.
- Thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư thận trọng, hiệu quả, lộ trình chuẩn bị cho giai đoạn đầu tư sau khi nền kinh tế phục hồi.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của hệ thống, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo cùng với việc xây dựng văn hóa Công ty để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hiện tại và phát triển giai đoạn tiếp theo.
- Thành lập Phòng phát triển thị trường, cùng với việc nghiên cứu đầu tư bổ sung thiết bị, công nghệ chuẩn bị cho giai đoạn phát triển phù hợp với chiến lược của Công ty.

V. Quản trị công ty:

1. Hoạt động của HĐQT

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2014	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch HĐQT	10.000	0,67
2	Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT	45.555	3,04
3	Vũ Thị Thuý Giang	Thành viên HĐQT	110.935	7,4
4	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	14.844	0,99
5	Lê Thị Hà	Thành viên HĐQT	78.761	5,25

Hội đồng quản trị gồm 04 thành viên, trong đó: 02 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành:

Nguyễn Đình Bảo - Chủ tịch HĐQT

Giới tính : Nam

Số CMTND : 010410906 Ngày cấp: 15/07/2005 Nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày sinh : 14/10/1958

Nơi sinh : Quảng Phú – Gia Lương – Hà Bắc

Quê quán : Quảng Phú – Gia Lương – Hà Bắc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 22, ngõ 543 đường Giải Phóng – Giáp Bát – Hoàng Mai – Hà Nội

Trình độ văn hoá : Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng

Quá trình công tác:

- ❖ Năm 1981 – 1992: Cán bộ phòng KH công ty CP Lilama - TNCĐ
- ❖ Năm 1993-1996: Trưởng phòng KH công ty CP Lilama - TNCĐ
- ❖ Năm 1997-12/2000: Trưởng phòng KT – KT Công ty CP Lilama - TNCĐ
- ❖ Tháng 01/2001 – 12/2001: Phó giám đốc Công ty CP Lilama - TNCĐ
- ❖ Tháng 01/2002 – 12/2003: Tổng giám đốc Công ty CP Lilama – TNCĐ
- ❖ Năm 2004 – 09/2012: Chánh văn phòng Tổng công ty Lắp máy VN
- ❖ Tháng 10/2012 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lắp máy - TNCĐ

Hoàng Văn Lít - Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Giới tính : Nam

Số CMND: 001070001363 ngày cấp: 01/07/2014

Ngày tháng năm sinh : 09/01/1970

Nơi sinh	Hà Nội
Quê quán	Cổ Loa – Đông Anh – Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Xóm Nhồi - Cổ Loa - Đông Anh – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	04.35543794
Trình độ văn hoá	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 6/2005 – tháng 7/2007: Phó phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 8/2007-03/2012: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA- Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 04/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm Cơ Điện

Nguyễn Thành Đại - Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
-----------	-----

Số CMND:	111473789	ngày cấp:	nơi cấp: CA Hà Nội
----------	-----------	-----------	--------------------

Ngày tháng năm sinh	21/06/1979
---------------------	------------

Nơi sinh	Thị xã Hà Đông – Hà Nội
Quê quán	Thị xã Hà Đông – Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thị xã Hà Đông – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ văn hoá	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 7/2002 – tháng 12/2002: Phụ trách kỹ thuật Dự án NM Gang thép Thái Nguyên
- ❖ Tháng 12/2002-02/2003: Phụ trách kỹ thuật Thí nghiệm điện và chạy thử dây chuyền công nghệ Dự án nhà máy xi măng Bỉm Sơn (Mở rộng)
- ❖ Tháng 04/2003 – 10/2003: Phụ trách kỹ thuật lắp đặt thiết bị và thí nghiệm điện Dự án nhà máy điện đạm Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu
- ❖ Tháng 10/2003-10/2004: Phụ trách kỹ thuật lắp đặt thiết bị đo lường và thí nghiệm điện Dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương - Lạng Sơn

- ❖ Tháng 10/2004-04/2006: Đội phó đội lắp đặt tiếp địa chống sét, đo lường điều khiển và thí nghiệm điện Dự án NM xi măng Hải Phòng (mới)
- ❖ Tháng 04/2006-10/2006: Phụ trách kỹ thuật lắp đặt thiết bị và thí nghiệm điện Dự án Trung tâm Hội nghị Quốc Gia – Hà Nội
- ❖ Tháng 11/2007-03/2009: Đội phó đội lắp đặt tiếp địa chống sét, đo lường điều khiển và thí nghiệm điện Dự án NM xi măng Thăng Long – Hoàn Bò - Quảng Ninh.
- ❖ Tháng 03/2009- 11/2013: Phó phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP Lilama – TNCĐ
- ❖ Tháng 11/2013 - đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP Lắp máy- TNCĐ

- ❖ Tháng 5/2008 – 11/2008: Đội phó lắp đặt hệ thống chống sét nhà máy xi măng Thăng Long - Quảng Ninh
- ❖ Tháng 11/2008 – 12/2009: Đội phó lắp đặt hệ thống đo lường điều khiển Nhà máy lọc dầu Dung Quất
- ❖ Tháng 7/2011 – 9/2012: Đội trưởng thi công thay thế thiết bị đo lường Nhà máy nhiệt điện Uông Bí
- ❖ Tháng 9/2012 – 11/2013: Đội trưởng thi công và thí nghiệm Nhà máy điện Nghi Sơn và Vũng áng
- ❖ Tháng 11/2013 - đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP Lắp máy - TNCĐ

Vũ Thị Thuý Giang - Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT

Giới tính Nữ

Số CMND: 012893468 ngày cấp: 17/08/2006 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 25/12/1960

Nơi sinh Hà Nội

Quê quán Thái Thụy – Thái Bình

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Số 326 Bà Triệu – Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 04.35543796

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán tài chính

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 07/2001- 12/2002: Phó phòng kế toán tài chính Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 01/2003 –03/2004: Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 04/2004- 2006: Kế toán trưởng- trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Năm 2006 đến nay: Thành viên HĐQT-Kế toán trưởng- trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP Lắp máy- Thí Nghiệm Cơ Điện

Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT

Giới tính Nam

Số CMND: 011614921 ngày cấp: 14/03/2012 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 16/11/1970

Nơi sinh Hà Nội

Quê quán Hoàn Kiếm - Hà Nội

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Số 6 Giang Ngư – Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 0913.383.388

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

- Từ tháng 10/1994 – tháng 5/1996 : Kỹ sư - Kỹ Thuật Xí nghiệp lắp máy 69-3 (NM XM Hoàng Thạch)

- Từ tháng 6/1996 – tháng 2/2008: Kỹ sư cơ khí Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện

- Tháng 12/2008: Phó trưởng phòng thiết bị vật tư Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện

- Tháng 4/2009: Trưởng phòng thiết bị vật tư Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện.

- Tháng/2009 đến nay: Trưởng phòng tổ chức hành chính – TV HĐQT Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện

Lê Thị Hà - Thành viên HĐQT

Giới tính N ữ

Số CMND: 012939832 ngày cấp: 22/03/2007 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 20/08/1968

Nơi sinh Hà Nam

Quê quán Bảo Lộc – Thanh Châu - Phú lý - Hà Nam

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú 124C Minh Khai – Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

❖ Tháng 7/1989 đến nay: Nhân viên phòng kế toán – Công ty cổ phần Lắp máy – TNCD

2. Ban kiểm soát

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2014	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Phan Trí Hùng	Thành viên BKS	11.833	0,79
2	Vũ Quang Hưng	Thành viên BKS	19.566	1,3

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của BKS được quy định tại điều lệ công ty. Định kỳ BKS đã giám sát quá trình hoạt động của công ty để đưa ra những đánh giá kịp thời về công tác điều hành và quản lý của ban quản trị và ban tổng giám đốc.

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó : cả 03 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành

Lê Thúy Hồng - Trưởng ban kiểm soát

Giới tính Nữ

Số CMND: 011852291 ngày cấp: 20/08/2011 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 10/11/1978

Nơi sinh Hà Nội

Quê quán Hà Nội

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú 87 Tổ 9 Thanh Lương – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913383160

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

❖ Từ 2001 đến nay: Chuyên viên phòng kế toán – Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam (LILAMA)

❖ Từ Tháng 4/2012 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện

Phan Trí Hùng – Thành viên ban kiểm soát

Giới tính Nam

Số CMND: 011419487 ngày cấp: nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 15/11/1967

Nơi sinh Hà Nội

Quê quán Hà Nội

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	12 Đại La – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	0912.069.985
Trình độ văn hoá	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư tự động hóa

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 8/2006 đến tháng 12/2012: Kỹ sư phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện
- ❖ Tháng 1/2013 – tháng 11/2013: Phó phòng kinh tế - kỹ thuật Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện
- ❖ Tháng 12/2013 đến nay: Trưởng phòng kinh tế - kỹ thuật , thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần lắp máy – Thí nghiệm cơ điện

Vũ Quang Hưng - Thành viên ban kiểm soát

Giới tính	Nam
-----------	-----

Số CMND: 0119729854 ngày cấp: nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh	13/10/1979
Nơi sinh	Hà Nội
Quê quán	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	98 tổ 4 Mai Động – Mai Động – Hoàng Mai – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	0904.704696
Trình độ văn hoá	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư vật lý kỹ thuật

Quá trình công tác

- ❖ Từ tháng 3/2003: Kỹ sư kỹ thuật – NM NĐ Na Dương
- ❖ Từ 2006 - đến nay: Đội trưởng NDT số 6 – Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- ❖ **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông

thường niên năm 2014 (ngày 25/04/2014) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau:

- Thù lao một tháng của Chủ tịch HĐQT 3,5 lần, thành viên HĐQT 3 lần, Trưởng ban kiểm soát 3 lần, thành viên Ban kiểm soát 2 so với mức lương tối thiểu nhà nước quy định.

STT	Họ và tên	Thành phần	Thù lao/năm 2014	Tiền lương/năm 2014	Ghi chú
2	Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		214.136.000	
3	Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT	43.200.000	149.923.000	
4	Nguyễn Sỹ Thành	Phó TGĐ		138.500.000	
5	Nguyễn Thành Đại	Phó TGĐ		154.670.000	
6	Vũ Thị Thúy Giang	Thành viên HĐQT	43.200.000	123.589.000	
7	Trần Văn Hưng	Thành viên HĐQT	10.800.000		
8	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	39.600.000	92.316.000	
9	Lê Thị Hà	Thành viên HĐQT	43.200.000	56.863.000	
10	Lê Thúy Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	43.200.000		
11	Phan Trí Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	21.600.000	70.692.000	
12	Vũ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	21.600.000		
13	Vũ Thị Thu Hoài	Thư ký HĐQT	12.000.000	17.923.000	
14	Lương Văn Khải	Thành viên Ban kiểm soát	7.200.000	22.248.000	
15	Lê Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát	7.200.000	18.972.000	
	Tổng cộng		292.800.000	1.059.832.000	

3.2 Giao dịch cổ phần của giao dịch nội bộ và những người có liên quan

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm(mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch HĐQT	0	0	10.000	0,67	Đầu tư
2	Hoàng Văn Lít	TV HĐQT; TGĐ	5.555	0,37	45.555	3,04%	Đầu tư
3	Vũ Thị Thúy Giang	TV H ĐQT; KTT	65.935	4,4	110.935	7,4	Đầu tư
4	Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	4.844	0,32	14.844	0,99	Đầu tư

5	Lê Thị Hà	TV HĐQT	63.761	4,25	78.761	5,25	Đầu tư
6	Nguyễn Thành Đại	PTG Đ	2.403	0,16	17.403	1,16	Đầu tư
7	Nguyễn Sỹ Thành	PTGD	586	0,04	15.586	1,04	Đầu tư
8	Phan Trí Hùng	TV BKS	1.833	0,12	11.833	0,79	Đầu tư
9	Vũ Quang Hưng	TV BKS	9.566	0,64	19.566	1,3	Đầu tư
10	Trần Văn Hưng	Cổ đông lớn	71.677	4,78	96.677	6,45	Đầu tư
11	Ngô Hương Lan	Vợ TV HĐQT	0	0	3.333	0,22	Đầu tư
12	Phan Thị Hiền	Em TV BKS	0	0	6.666	0,44	Đầu tư
13	Tổng công ty lắp máy Việt Nam	Cổ đông sáng lập	777.750	51,85	542.750	36,18	Tái cơ cấu

VI- Báo cáo Tài Chính

- Ý kiến kiểm toán:



Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Biệt thự 2, KĐT Bắc Linh Đàm, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: (+84 4) 3767 0720 • Fax: (+84 4) 3676 0721

Số: 619/BCKT/TC/NV12

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện, được lập ngày 20/01/2015, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TÔNG THỊ BÍCH LAN

P. Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0060- 2014 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2015

NGUYỄN TRUNG KIẾN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2349 - 2014 - 126 - 1

- Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.652.905.349	34.178.658.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.181.611.038	119.974.913
1. Tiền	111	V.01	4.181.611.038	119.974.913
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.02	23.788.458.192	26.815.145.407
1. Phải thu của khách hàng	131		22.980.018.511	25.908.355.989
2. Trả trước cho người bán	132		993.140.200	304.786.506
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		325.558.479	602.002.912
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(510.258.998)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	6.223.415.536	6.039.032.263
1. Hàng tồn kho	141		6.226.931.536	6.042.548.263
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.516.000)	(3.516.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		459.420.583	1.204.506.201
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	123.025.843
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		459.420.583	1.081.480.358
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.336.373.064	20.645.931.553
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.639.546.642	20.428.859.550
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	4.285.310.062	4.161.233.173
- Nguyên giá	222		24.277.452.867	23.533.311.958
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(19.992.142.805)	(19.372.078.785)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	16.267.626.377	16.267.626.377
- Nguyên giá	228		16.267.626.377	16.267.626.377
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		86.610.203	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		696.826.422	217.072.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	696.826.422	217.072.003
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.989.278.413	54.824.590.337

6

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.772.402.833	32.011.513.752
I. Nợ ngắn hạn	310		29.621.284.322	28.490.638.593
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.07	13.100.929.035	14.712.422.366
2. Phải trả người bán	312	V.08	90.246.542	1.095.535.010
3. Người mua trả tiền trước	313	V.09	1.729.969.549	1.575.800.170
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.202.482.549	1.467.013.249
5. Phải trả công nhân viên	315		1.445.569.261	2.663.041.080
6. Chi phí phải trả	316	V.11	462.610.248	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	11.574.415.000	6.976.826.718
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		15.062.138	-
II. Nợ dài hạn	330		3.151.118.511	3.520.875.159
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.13	1.386.572.823	1.386.572.823
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	1.142.491.218	1.864.127.866
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	622.054.470	270.174.470
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.216.875.580	22.813.076.585
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	23.216.875.580	22.813.076.585
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		400.316.669	272.584.049
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(544.500)	(544.500)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.435.278.636	3.924.348.155
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		684.148.579	556.415.959
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.697.676.196	3.060.272.922
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.989.278.413	54.824.590.337

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		1.134.488.597	1.134.488.597
5. Ngoại tệ các loại	007			
- USD			1.501,06	1.524,22
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Chi

Vũ Thị Thủy Giang

Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	51.835.543.046	70.327.893.267
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.18	51.835.543.046	70.327.893.267
4. Giá vốn hàng bán	11	V.19	41.678.082.766	57.761.366.865
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.157.460.280	12.566.526.402
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.20	14.630.409	12.481.061
7. Chi phí tài chính	22	V.21	1.286.815.672	2.093.057.408
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.286.732.324	2.092.944.885
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.736.751.939	7.026.167.918
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.148.523.078	3.459.782.137
11. Thu nhập khác	31		5.028.987	261.563.718
12. Chi phí khác	32		71.708.229	204.896.605
13. Lợi nhuận khác	40		(66.679.242)	56.667.113
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.081.843.836	3.516.449.250
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.22	473.781.454	961.796.847
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.608.062.382	2.554.652.403
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.072	1.703

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Lê Thị Chi

Vũ Thị Thúy Giang

Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	60.101.604.209	59.383.819.574
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(26.274.168.771)	(35.259.783.658)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.079.341.484)	(14.020.615.316)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.286.732.324)	(2.134.748.807)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(575.973.949)	(701.431.332)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.113.978.183	3.396.532.037
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.882.531.200)	(3.789.564.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.116.834.664	6.874.208.244
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH	21	(744.140.909)	(719.774.900)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	19.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	14.002.912	11.984.026
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(730.137.997)	(688.790.874)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(306.900)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	37.718.208.777	41.258.451.165
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(38.977.822.108)	(46.254.180.563)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.065.991.360)	(1.605.509.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.325.604.691)	(6.601.545.888)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.061.091.976	(416.128.518)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	119.974.913	536.161.737
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	544.149	(58.306)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.181.611.038	119.974.913

Người lập biểu



Lê Thị Chi

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Giang

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ – BXD ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05 tháng 03 năm 2004 và Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 08, ngày 24 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 434 - 436 đường Nguyễn Trãi – phường Trung Văn – quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất);
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại;
- Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử mẫu và kiểm tra chân không;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây chuyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Lắp đặt điện, nước, thiết bị thông gió, điều hòa không khí;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Sản xuất phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát tấm lợp, đá ốp lát đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp);

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06-20 năm
- Máy móc, thiết bị	03-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-12 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm
- Tài sản cố định khác	03-06 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số nhà 434 và 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội không trích khấu hao.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay";

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu và được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

10. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày;

Tài sản tài chính:

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính:

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần; hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

11. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày tại VII.1 trong Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1 . Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	73.439.005	17.815.299
Tiền gửi ngân hàng	4.108.172.033	102.159.614
Cộng	4.181.611.038	119.974.913
2 . Các khoản phải thu		
Phải thu khách hàng	22.980.018.511	25.908.355.989
- Tổng Công ty lắp máy Việt nam - Công ty TNHH MTV	12.380.694.269	15.865.219.783
- Công ty CP Lilama 45.1	2.053.566.999	2.470.742.897
- Công ty CP Lilama 45.3	-	133.835.381
- Công ty CP Lilama 69.1	323.486.605	912.405.822
- Công ty CP Lilama 10	780.600.836	324.620.130
- Công ty CP Giải pháp CNKT Không phá hủy DK VN	-	408.758.099
- Chi nhánh Công ty TNHH Nhất Nước	524.960.445	-
- Công ty CP thiết kế và xây lắp VST	231.476.438	-
- Công ty TNHH Thương mại và xây lắp Tín Nghĩa	212.426.317	212.426.317
- Công ty CP Thị Công Cơ Giới và Lắp Máy Dầu Khí	201.157.000	201.157.000
- Công ty CP xây lắp thương mại Long An	226.266.000	226.266.000
- Phải thu khách hàng khác	6.045.383.602	5.152.924.560
Trả trước cho người bán	993.140.200	304.786.506
- Công ty CP Chế Tạo Xây lắp Cơ Điện Thái Vạn Tường	-	219.483.478
- Công ty TNHH Công nghệ tin học và Viễn thông DHK	-	69.713.028
- Công ty CP Phát triển Công Nghiệp & Thương Mại VVV	8.000.000	8.000.000
- Công ty TNHH Phát Triển Công nghiệp Sao Mai	22.990.000	7.590.000
- Công ty TNHH tư vấn & DV khoa học kỹ thuật L.C.D	69.467.200	-
- Công ty CP Sao Đại Dương	892.683.000	-
Phải thu khác	325.558.479	602.002.912
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(510.258.998)	-
Cộng	23.788.458.192	26.815.145.407
3 . Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	372.659.451	403.002.891
Công cụ, dụng cụ	8.909.828	23.260.720
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.845.362.257	5.616.284.652
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.516.000)	(3.516.000)
Cộng	6.223.415.536	6.039.032.263
4 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		
Chi tiết tại phụ lục số 01 trang 26 của Báo cáo này		

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

5 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	16.267.626.377		16.267.626.377
Số tăng trong kỳ			-
Số giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ	16.267.626.377		16.267.626.377
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ			-
Số tăng trong kỳ			-
Số giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ			-
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	16.267.626.377		16.267.626.377
Tại ngày cuối kỳ	16.267.626.377		16.267.626.377

(*) : Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại số 434 và 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo hai hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 với tổng diện tích là 341,2m²

6 . Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	653.314.206	217.072.003
Chi phí sửa chữa văn phòng	43.512.216	
Cộng	696.826.422	217.072.003

7 . Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	12.777.769.035	14.558.022.366
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Trảng An (*)	12.777.769.035	14.558.022.366
Nợ dài hạn đến hạn trả	323.160.000	154.400.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Trảng An	323.160.000	154.400.000
Cộng	13.100.929.035	14.712.422.366

(*) **Khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Trảng An**

Số dư vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2014: Công ty vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-201400458/HĐTD ngày 18 tháng 09 năm 2014, hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Mục đích sử dụng khoản vay là bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe Toyota biển số 30L - 9467, đất và tài sản trên đất tại số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

8 . Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng công trình	-	252.589.401
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Anh Lộc	-	587.021.626
- Phải trả người bán khác	90.246.542	255.923.983
Cộng	90.246.542	1.095.535.010

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP hóa chất phân bón Lào Cai	-	1.155.460.000
- Công ty TNHH TM Kỹ thuật Xuân Hiếu	886.293.450	-
- Nhà máy in tiền Quốc Gia	-	243.188.000
- Công ty CP hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	181.229.400	-
- Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	272.888.099	-
- Người mua trả tiền trước khác	389.558.600	177.152.170
Cộng	1.729.969.549	1.575.800.170

10 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	826.370.115	1.068.280.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp	327.128.235	336.455.191
Thuế thu nhập cá nhân	48.984.199	-
Các loại thuế khác	-	62.277.716
Cộng	1.202.482.549	1.467.013.249

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép của bộ phận trực tiếp	315.000.000	-
Trích trước chi phí nhân công công trình Vũng Áng lắp đặt	147.610.248	-
Cộng	462.610.248	-

12 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	124.231.190
Bảo hiểm xã hội	460.039.400	1.425.869.348
Bảo hiểm y tế	27.813.062	97.253.330
Bảo hiểm thất nghiệp	12.361.350	42.349.937
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.074.201.188	5.287.122.913
- Dư có tài khoản 3388	573.992.556	654.693.880
- Cổ tức phải trả	562.339.760	128.446.620
- Phải trả khác	11.652.796	526.247.260
- Dư có tài khoản 1388 và tài khoản 141	10.500.208.632	4.632.429.033
- Lê Viết Khiêm	997.693.126	123.365.890
- Chu Tất Thắng	1.543.032.850	1.836.322.103
- Lê Văn Minh	444.913.986	705.543.085
- Lê Văn Nhì	1.463.874.396	550.591.257
- Vũ Quang Hưng	1.736.635.664	459.004.585
- Trần Văn Hưng	2.230.525.663	275.912.550
- Nguyễn Thế Trường	843.127.471	-
- Nguyễn Sĩ Thành	318.638.702	-
- Nguyễn Đức Hùng	345.937.144	-
- Phải trả khác	575.829.630	681.689.563
Cộng	11.574.415.000	6.976.826.718

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Số cuối năm	Số đầu năm
13 . Phải trả dài hạn người bán		
Công ty Cổ phần LILAMA 3	1.240.824.354	1.240.824.354
Công Ty TNHH Sản xuất và Thương mại Anh Duy	145.748.469	145.748.469
Cộng	1.386.572.823	1.386.572.823
14 . Phải trả dài hạn khác		
Phải trả đội thi công - Hoàng Ngọc Thịnh	636.734.637	641.534.637
Phải trả đội thi công - Lương Hữu Ảnh	-	422.825.899
Phải trả đội thi công - Phạm Đình Hòa	206.514.435	238.334.582
Phải trả đội thi công - Trần Văn Hưng	299.242.146	275.912.550
Phải trả đội thi công - Vũ Quang Hưng	-	285.520.198
Cộng	1.142.491.218	1.864.127.866
15 . Vay và nợ dài hạn		
Vay dài hạn	622.054.470	270.174.470
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Trảng An ^(**)	622.054.470	270.174.470
Nợ dài hạn		
Cộng	622.054.470	270.174.470

(**) Khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Trảng An theo hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-201300426/HĐTD ngày 02 tháng 08 năm 2013, hạn mức tín dụng 1,86 tỷ đồng, thời hạn vay 30 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm) và hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-201400527/HĐTD ngày 17 tháng 10 năm 2014, hạn mức tín dụng 8.335.136.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm). Mục đích sử dụng đầu tư mua sắm máy móc thiết bị. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe Toyota biển số 30L-9467, đất và tài sản trên đất tại số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

16 . Vốn chủ sở hữu**16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tại phụ lục số 02 trang 27 của Báo cáo này

16.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	15.000.000.000	13.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	1.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.499.945.000	1.650.000.000

16.3. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV ^(***)	5.427.500.000	7.777.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	9.572.500.000	7.222.500.000
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

(***) Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV đã chuyển nhượng 235.000 cổ phiếu theo báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn số 1841/TCT-TCKT ngày 17/09/2014. Lý do thay đổi sở hữu: Tái cơ cấu theo đề án đã được Bộ Xây dựng phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

16.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	55	55
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.945	1.499.945
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.499.945</i>	<i>1.499.945</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.608.062.382	2.554.652.403
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.608.062.382	2.554.652.403
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.499.945	1.499.945
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.072	1.703

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**17 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	51.835.543.046	69.767.893.267
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	560.000.000
Cộng	51.835.543.046	70.327.893.267

18 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	51.835.543.046	69.767.893.267
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	560.000.000
Cộng	51.835.543.046	70.327.893.267

19 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây dựng	41.678.082.766	57.761.366.865
Cộng	41.678.082.766	57.761.366.865

20 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.002.912	11.984.026
Lãi chênh lệch tỷ giá	627.497	497.035
Cộng	14.630.409	12.481.061

21 . Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.286.732.324	2.092.944.885
Lỗ chênh lệch tỷ giá	83.348	112.523
Cộng	1.286.815.672	2.093.057.408

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

22 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	2.081.843.836	3.516.449.250
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận trước thuế	71.708.229	330.738.137
- <i>Tiền phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội</i>	71.708.229	144.709.298
- <i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	-	186.028.839
c. Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.153.552.065	3.847.187.387
d. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	473.781.454	961.796.847

23 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	17.273.514.193	26.221.080.241
Chi phí nhân công	22.678.381.689	14.943.376.067
Chi phí khấu hao	620.064.020	1.081.511.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.364.838.119	2.293.922.157
Chi phí bằng tiền khác	1.196.855.291	1.226.950.048
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	510.258.998	-
Cộng	48.643.912.310	45.766.840.468

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
Doanh thu				
	Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Thành viên góp vốn	Doanh thu thực hiện	13.434.595.854
	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Đơn vị thành viên	Doanh thu thực hiện	646.920.000
	Công ty Cổ phần Lilama 5	Đơn vị thành viên	Doanh thu thực hiện	140.890.000
	Công ty Cổ phần Lilama 10	Đơn vị thành viên	Doanh thu thực hiện	1.102.642.315
	Công ty Cổ phần Lilama 18	Đơn vị thành viên	Doanh thu thực hiện	153.000.000
	Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Đơn vị thành viên	Doanh thu thực hiện	1.353.266.248
	Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Đơn vị thành viên	Doanh thu thực hiện	40.000.000
	Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy lilama	Đơn vị thành viên	Doanh thu thực hiện	30.000.000
Chi phí				
	Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ	Tiền điện công trình Vũng Áng	12.106.434

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
	Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Thành viên góp vốn	Phải thu khách hàng	12.380.694.269
	Công ty Cổ phần Lilama 3	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	404.671.740
	Công ty Cổ phần Lilama 3	Đơn vị thành viên	Phải trả người bán	(1.240.824.354)
	Công ty Cổ phần Lilama 5	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	1.586.745.728
	Công ty Cổ phần Lilama 7	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	80.053.884
	Công ty Cổ phần Lilama 10	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	780.600.836
	Công ty Cổ phần Lilama 45-1	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	2.053.566.999
	Công ty Cổ phần Lilama 45-4	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	73.336.300
	Công ty Cổ phần Lilama 69-1	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	323.486.605
	Công ty Cổ phần Lilama 69-2	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	7.239.460
	Công ty Cổ phần Lilama 69-3	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	44.000.000
	Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	Đơn vị thành viên	Phải thu khách hàng	586.711.000

*** Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát trong năm 2014**

			Đơn vị tính: đồng	
TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền lương
1	Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		214.136.000
2	Hoàng Văn Lít	Thành viên Hội đồng quản trị	43.200.000	149.923.000
3	Vũ Thị Thúy Giang	Thành viên Hội đồng quản trị	43.200.000	123.589.000
4	Bà Lê Thị Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	43.200.000	56.863.000
5	Trần Văn Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị	10.800.000	
6	Vũ Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	39.600.000	92.316.000
7	Lê Thúy Hồng	Trưởng Ban kiểm soát	43.200.000	
8	Phan Trí Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	21.600.000	70.692.000
9	Vũ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	21.600.000	
10	Vũ Thị Thu Hoài	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	17.923.000
11	Lương Văn Khải	Thành viên Ban kiểm soát	7.200.000	22.248.000
12	Lê Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát	7.200.000	18.972.000
Tổng cộng			292.800.000	766.662.000

2 . Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động chính của Công ty là xây lắp trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh do đó không có báo cáo bộ phận được trình bày.

3 . Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	12/31/2014	1/1/2014	12/31/2014	1/1/2014
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.181.611.038	119.974.913	4.181.611.038	119.974.913
Phải thu khách hàng	22.980.018.511	25.908.355.989	22.469.759.513	25.908.355.989
Phải thu khác	325.558.479	602.002.912	325.558.479	602.002.912
Cộng	27.487.188.028	26.630.333.814	26.976.929.030	26.630.333.814

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	12/31/2014	1/1/2014	12/31/2014	1/1/2014
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.476.819.365	2.482.107.833	1.476.819.365	2.482.107.833
Phải trả khác	12.716.906.218	8.840.954.584	12.716.906.218	8.840.954.584
Chi phí phải trả	462.610.248	-	462.610.248	-
Các khoản vay	13.722.983.505	14.982.596.836	13.722.983.505	14.982.596.836
Cộng	28.379.319.336	26.305.659.253	28.379.319.336	26.305.659.253

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

4 . Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các đơn vị khác tại ngày 30/6/2014 (được thuyết minh tại V.04 và V.07).

5 . Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6 . Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	13.100.929.035	622.054.470	13.722.983.505
Phải trả người bán	90.246.542	1.386.572.823	1.476.819.365
Phải trả khác	11.574.415.000	1.142.491.218	12.716.906.218
Tổng	25.228.200.825	3.151.118.511	28.379.319.336
Số đầu năm			
Các khoản vay	14.712.422.366	270.174.470	14.982.596.836
Phải trả người bán	1.095.535.010	1.386.572.823	2.482.107.833
Phải trả khác	6.976.826.718	1.864.127.866	8.840.954.584
Tổng	22.784.784.094	3.520.875.159	26.305.659.253

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

8 . Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

9 . Số liệu so sánh, số dư đầu kỳ

Số dư đầu kỳ và số liệu so sánh được lấy theo báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu

Lê Thị Chi

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy Giang

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	4.417.577.709	17.425.058.736	1.254.689.498	197.857.444	238.128.571	23.533.311.958
Số tăng trong kỳ	-	150.489.780	569.090.909	-	62.000.000	781.580.689
- Mua trong năm	-	113.050.000	569.090.909	-	62.000.000	744.140.909
- Phân loại lại	-	37.439.780	-	-	-	37.439.780
Số giảm trong kỳ	-	-	-	37.439.780	-	37.439.780
- Phân loại lại	-	-	-	37.439.780	-	37.439.780
Số dư cuối kỳ	4.417.577.709	17.575.548.516	1.823.780.407	160.417.664	300.128.571	24.277.452.867
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.274.966.230	16.580.941.174	1.192.482.117	137.576.822	186.112.442	19.372.078.785
Số tăng trong kỳ	223.790.520	307.793.304	79.035.337	27.717.972	19.166.667	657.503.800
- Khấu hao trong kỳ	223.790.520	270.353.524	79.035.337	27.717.972	19.166.667	620.064.020
- Phân loại lại	-	37.439.780	-	-	-	37.439.780
Số giảm trong kỳ	-	-	-	37.439.780	-	37.439.780
- Phân loại lại	-	-	-	37.439.780	-	37.439.780
Số dư cuối kỳ	1.498.756.750	16.888.734.478	1.271.517.454	127.855.014	205.279.109	19.992.142.805
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	3.142.611.479	844.117.562	62.207.381	60.280.622	52.016.129	4.161.233.173
Tại ngày cuối kỳ	2.918.820.959	686.814.038	552.262.953	32.562.650	94.849.462	4.285.310.062

Trong đó:

- Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 31/12/2014 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay là 2.918.820.959 đồng

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2014 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 18.159.176.791 đồng



Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	13.500.000.000	1.165.180.000	126.879.286	-	3.341.529.103	528.619.316	3.663.533.168	22.375.740.873
Tăng vốn trong năm trước	1.500.000.000	-	-	-	-	-	-	1.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	2.554.652.403	2.554.652.403
Trích lập các quỹ	-	-	145.704.763	-	582.819.052	145.704.763	-	874.228.578
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.165.638.104	1.165.638.104
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	544.500
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	1.650.000.000
Giảm khác	-	1.165.180.000	-	-	-	117.908.120	342.274.545	1.625.362.665
Số dư đầu kỳ	15.000.000.000	-	272.584.049	(544.500)	3.924.348.155	556.415.959	3.060.272.922	22.813.076.585
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.608.062.382	1.608.062.382
Tăng khác(*)	-	-	-	-	-	-	552.451.399	552.451.399
Trích lập các quỹ	-	-	127.732.620	-	510.930.481	127.732.620	-	766.395.721
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	-	-	1.021.860.961	1.021.860.961
Chia cổ tức (***)	-	-	-	-	-	-	1.499.945.000	1.499.945.000
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	-	1.304.546	1.304.546
Số dư cuối kỳ	15.000.000.000	-	400.316.669	(544.500)	4.435.278.636	684.148.579	2.697.676.196	23.216.875.580

Chi chú

(*) : - Tăng khác do quyết toán lại chi phí với đối nhận khoản nên tăng lợi nhuận sau thuế 552.390.899 đồng và tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 91.560.993 đồng
- Hoàn lại cổ tức năm 2013 của cổ phiếu quỹ không được chia: 60.500

(**) : Nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012

(***) : Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 76/2014/NQ-ĐHĐCD ngày 25/04/2014, chi tiết:

Chi tiết	Tỷ lệ	Số tiền
Quỹ đầu tư phát triển	20%	510.930.481
Quỹ dự phòng tài chính	5%	127.732.620
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	255.465.240
Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	5%	127.732.620
Chia cổ tức	10%	1.499.945.000
Tổng		2.521.805.961



Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY-THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Tổng giám đốc



Hoàng Văn Lít

